

Bản án số: 27/2025/HS-ST

Ngày: 24-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Trinh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/4/2000, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1 (chết) và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Bản án số 68/2022/HS-ST ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xử phạt 08 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2023; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/12/2005, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị M; chung sống như vợ chồng với người khác, chưa có con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

- Bị hại: Khương Bảo K, sinh ngày 22/02/2002; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Nguyễn Thị H, có mặt; Ngô Bảo D, Võ Thị H1, Trần Thảo N, Nguyễn Thị Như Ý, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 14/11/2024, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Trần Thảo N (còn có tên là T2) và Thảo N (chưa rõ thông tin) tổ chức nhậu tại nhà Nguyễn Thị Như Ý (còn có tên là Bé C) tại khóm T, thị trấn T. Đến khoảng 22 giờ 00 phút, Trần Thảo N vào nhà Như Ý ngủ. Lúc này, T rủ S điều khiển xe mô tô đi xung quanh khu vực bờ kè thuộc khóm T, thị trấn T tìm “bò lạc” (là người không ưa mắt) để đánh thì S đồng ý. Thảo Nguyên xin đi theo để xem. S ra phía trước nhà Như Ý lấy 01 cây xà beng bằng kim loại dạng tròn có chiều dài 114,5cm, cân nặng 3,28kg, làm hung khí. Sang để xà beng dọc theo bên phải thân xe rồi điều khiển xe mô tô biển số 66G1-727.38 chở Thảo N ngồi giữa, T ngồi sau cùng, đi vòng bờ kè nhưng không tìm được người để đánh nên cả ba cùng quay lại nhà Như Ý.

Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 15/11/2024, S rủ T tiếp tục đi tìm người không ưa mắt để đánh, T đồng ý. Thảo Nguyên xin đi theo để xem. Sau đó, S để xà beng dọc theo bên phải thân xe rồi điều khiển xe mô tô chở Thảo N ngồi giữa, T ngồi sau cùng đi đến khu vực bờ kè. S ngừng xe cách khu vực bến đò Mương Miếu khoảng 30 mét, thấy Khương Bảo K điều khiển xe mô tô biển số 67H1-448.99 đi đến và dừng xe để đợi đò qua sông tại bến đò Mương Miếu thuộc khóm T, thị trấn T, nên S và T xuống xe đi đến chỗ Khương Bảo K, riêng T ngồi trên xe. S cầm cây xà beng đánh 02 cái theo hướng từ trên xuống, từ phải qua trái trúng cánh tay trái, đùi trái của K và trúng vào đầu đèn xe mô tô 67H1-448.99, làm xe ngã, K bỏ chạy xuống phà. T giật lấy cây xà beng S đang cầm trên tay rồi cả hai cùng xuống phà để đánh K. Khi K không còn đường chạy, T cầm cây xà beng đánh 01 cái từ trên xuống trúng vào nón bảo hiểm K đang đội trên đầu làm nón bảo hiểm bị 02 vết nứt. K bỏ chạy lên bờ. T và S tiếp tục rượt đuổi để đánh K nhưng không được. Thấy S và T đang đứng cách xa nên K chạy đến đỡ xe mô tô 67H1-448.99 để điều khiển bỏ chạy, thì S cầm ghế nhựa màu xanh (có lưng dựa) có sẵn tại bến đò đánh liên tiếp nhiều cái trúng vùng đầu, tay trái, lưng của K làm ghế nhựa vỡ hoàn toàn. T cầm cây xà beng chạy đến giơ lên đánh, K bỏ chạy nên T không đánh được. T điều khiển xe mô tô chở Thảo N và S về nhà Như Ý.

Sau khi bị đánh, Khương Bảo K điều khiển xe về nhà. Đến sáng ngày 15/11/2024, K đến Công an thị trấn T trình báo sự việc. Sau đó, đến Trung tâm Y tế huyện H, Bệnh viện Đ điều trị thương tích.

Ngày 18/11/2024, Khương Bảo K có đơn yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích và yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho K.

* Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 301/KLTTCT-TTPYĐT ngày 13/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận Khương Bảo K: Vùng đùi trái hiện không thấy dấu vết thương tích không cho tỷ lệ phần trăm; Gãy 1/3 xương trụ trái đã bó bột, trục lệch, tỷ lệ tổn thương 23%. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Khương Bảo K tại thời điểm giám định là 23%. Kết luận khác: Tổn thương trên do vật tày gây ra; Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động; Vùng đùi trái hiện không còn dấu vết thương tích nên không xác định được chiều hướng; Gãy 1/3 giữa xương trụ trái có chiều hướng từ trên xuống; Đề nghị giám định bổ sung vết thương cẳng tay trái và cổ tay trái do đương sự đang bó bột.

* Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 12/KLTTCT-TTPYĐT ngày 18/02/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận: Chấn thương phần mềm mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, mặt trước cổ tay trái hiện không thấy dấu vết thương tích, không cho tỷ lệ phần trăm; tỷ lệ tổn thương cơ thể bổ sung của Khương Bảo K tại thời điểm giám định là 00%

* Kết luận định giá tài sản số 03/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 27/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận:

- 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu bạc, mặt ngoài nón bảo hiểm có 02 vết nứt: 01 vết nứt chiều dài 10 cm, 01 vết nứt chiều dài 09 cm, trọng lượng 450gram, đã qua sử dụng, tại thời điểm xảy ra ngày 15/11/2024, giá mua mới với sản phẩm nón bảo hiểm tương tự như trên là 120.000 đồng, qua công tác kiểm tra đồ vật (nón bảo hiểm) được cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp ghi nhận đã được sử dụng thời gian nên khấu hao sản phẩm còn lại là 30% đồng thời theo tiêu chuẩn an toàn giao thông thì nón bảo hiểm nêu trên không còn sử dụng được, giá trị thiệt hại được tính là $30\% \times 120.000 \text{ đồng} = 40.000 \text{ đồng}$.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển số 67H1-448.99, số khung RLCUG0610HY498200, đã qua sử dụng, có các bộ phận bị hư hỏng gồm: Phần đầu đèn phía trước xe bị hư hỏng, gãy các chốt liên kết; qua công tác kiểm tra đồ vật bằng hình ảnh được cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp ghi nhận đồ vật nêu trên còn sử dụng được và tình trạng khắc phục được cửa hàng cung cấp thông tin là 150.000 đồng, như vậy thiệt hại là 150.000 đồng. Cánh bửng bên phải của xe bị gãy các chốt liên kết với các bộ phận khác; qua công tác kiểm tra đồ vật bằng hình ảnh được cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp ghi nhận đồ vật nêu trên còn sử dụng được và tình trạng khắc phục được cửa hàng cung cấp thông tin là 120.000 đồng, như vậy thiệt hại là 120.000 đồng. Bàn đạp thắng chân bên phải bị gãy; qua công tác kiểm tra đồ vật bằng hình ảnh được cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp ghi nhận đồ vật nêu trên, theo tiêu chuẩn an toàn giao thông bàn

đạp thẳng chân bên phải không còn đủ tiêu chí an toàn của phương tiện, được cửa hàng cung cấp thông tin giá mới tại thời điểm ngày 15/11/2024 là 129.000 đồng, như vậy thiệt hại là 129.000 đồng. Ốp sườn bên trái, phía sau xe bị một vết trầy xước qua công tác kiểm tra đồ vật bằng hình ảnh được cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp ghi nhận đồ vật nêu trên còn sử dụng được và tình trạng khắc phục được cửa hàng cung cấp thông tin là 140.000 đồng, như vậy thiệt hại là 140.000 đồng. Tổng trị giá xe mô tô bị thiệt hại 539.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu bạc, mặt ngoài nón bảo hiểm có 02 vết nứt: 01 vết nứt chiều dài 10 cm, 01 vết nứt chiều dài 09 cm, trọng lượng 450 gram, của Khương Bảo K giao nộp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho K.

- 01 cây kim loại dạng tròn có chiều dài 114,5cm, cân nặng 3,28kg, là hung khí Nguyễn Văn S sử dụng đánh bị hại K, S tự nguyện giao nộp. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Võ Thị H1, ý thức không biết T và S sử dụng gây thương tích cho người khác. Cơ quan điều tra đã trả lại bà H1.

Đối với cái ghế nhựa màu xanh mà Nguyễn Văn S cầm đánh Khương Bảo K đã bị gãy vỡ hoàn toàn thành nhiều mảnh vụn, thuộc sở hữu của ông Ngô Bảo D. Sau khi sự việc xảy ra, ông D không biết là chứng cứ liên quan trong vụ án đã đem bỏ, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được.

Đối với xe mô tô 66G1-727.38 của Nguyễn Thị M1, chị S, giao lại cho bà Nguyễn Thị H, mẹ ruột S, quản lý. Ngày 14/11/2024, S mượn xe đi chơi. Bà H không biết trước và không có lỗi trong việc để S điều khiển xe mô tô 66G1-727.38 đi gây thương tích cho người khác nên không xem xét tịch thu đối với xe mô tô này.

Đối với số tiền Cơ quan điều tra đang tạm giữ: 17.500.000 đồng (Trong đó, Nguyễn Văn T giao nộp 2.000.000 đồng; Nguyễn Văn S giao nộp 15.500.000 đồng) để khắc phục, bồi thường cho bị hại K.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T và bị hại Khương Bảo K đã thỏa thuận: Bị cáo T và S bồi thường cho bị hại K chi phí thiệt hại về sức khỏe và tài sản, tổng số tiền 31.000.000 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo bồi thường 15.500.000 đồng. Bị cáo S đã nộp 15.500.000 đồng, bị cáo T đã nộp 2.000.000 đồng để bồi thường. Bị hại K chưa đồng ý nhận tiền.

- Ông Ngô Bảo D không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản.

Tại Cáo trạng truy tố số 22/CT-VKSHN ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo S) các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), tuyên bố các bị cáo đồng phạm “Tội cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Vật chứng đã xử lý xong.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Biên bản tự thỏa thuận dân sự, các Điều 585, 586, 587, 589 và 590 Bộ luật Dân sự; đề nghị công nhận sự tự thỏa thuận và buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T cùng liên đới bồi thường cho Khương Bảo K với số tiền 31.000.000 đồng, trong đó: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường thiệt hại cho bị hại Khương Bảo K số tiền 15.500.000 đồng, trừ đi số tiền Nguyễn Văn S đã tự giao nộp 15.500.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại cho bị hại Khương Bảo K số tiền 15.500.000 đồng; trừ đi số tiền T đã tự giao nộp 2.000.000 đồng, nên bị cáo T tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại K số tiền 13.500.000 đồng.

- Đối với người tên Thảo N, biết việc S và T rủ nhau đi đánh người khác gây thương tích, T xin đi theo xem, nhưng chưa xác định họ tên và địa chỉ cụ thể nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

- Đối với xe mô tô 67H1-448.99 và nón bảo hiểm bị hư hỏng, tổng thiệt hại 579.000 đồng do bị can S và T gây ra nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đề cập đến trong vụ án này.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận, cũng không nói lời sau cùng.

Bị hại Khoa tranh luận: Yêu cầu các bị cáo liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Cả 02 bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Các bị cáo đã có hành vi cùng nhau gây ra thương tích cho bị hại K, trong đó vai trò của từng bị cáo như sau: Bị cáo T là người khởi sự lần đầu, rủ bị cáo S đi tìm người để đánh một cách vô cớ như đã nêu ở phần nội dung vụ án. Các bị cáo không có mâu thuẫn gì với bị hại, bị hại không có lỗi gì với các bị cáo, nhưng các bị cáo đã cùng nhau tấn công bị hại K, S dùng hung khí nguy hiểm là cây xà beng bằng kim loại dạng tròn có chiều dài 114,5cm, cân nặng 3,28kg, đánh trúng cánh tay trái, đùi trái của K gây gãy 1/3 xương trụ tay trái và cầm ghế nhựa đánh liên tiếp nhiều cái trúng vào vùng đầu, tay trái, lưng của K gây ra tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 23%. Nguyễn Văn T cầm cây xà beng đánh trúng vào nón bảo hiểm K đang đội trên đầu làm nón bảo hiểm bị 02 vết nứt và sau đó có cầm cây xà beng đánh K nhưng không trúng. Các bị cáo cùng nhau tấn công bị hại nên phải chịu hậu quả chung. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo S và T đồng phạm “Tội cố ý gây thương tích” quy định tại các điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 1 Điều 17 của BLHS, quy định:

“Điều 134 Tội cố ý gây thương tích

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm...

i) Có tính chất côn đồ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: ...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này...”

“Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...”

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo S và T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành; các bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhất thời, không có sự phân công vai trò cụ thể. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của BLHS.

[7] Sức khỏe, tính mạng là vốn quý báu của con người, vì nó trực tiếp làm ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng đều phải bị pháp luật xử phạt một cách thích đáng, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây tổn thương cơ thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Cụ thể, các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại Khoa, trong khi các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, vì bản tính côn đồ, hung hăng, thích vô cớ đánh người khác nên dẫn đến vi phạm tội.

[8] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng thích dùng bạo lực tương tự.

[9] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo S có 01 tiền án.

[10] Các bị cáo phạm tội với 2 tình tiết cấu thành tội phạm tại khoản 1, điểm đ khoản 2 của Điều 134 BLHS. Bị cáo S có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[11] Cả 02 bị cáo có chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề nghị phù hợp nên chấp nhận.

[13] Về vật chứng: Đã xử lý xong.

[14] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

[15] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S đồng phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T đồng phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 4 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 288, 587, 590 của Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại, cụ thể như sau:

3.1. Các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Khương Bảo K số tiền 31.000.000 (Ba mươi một triệu) đồng. Trong đó, phần của mỗi bị cáo là 1/2.

3.2. Tiếp tục quản lý số tiền các bị cáo đã nộp 17.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003112 ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, để chi trả cho bị hại Khương Bảo K khi có yêu cầu.

3.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 6 năm 2025).

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Phần quyết định bồi thường thiệt hại về sức khỏe được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú